TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2025
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thị Mộng Lành.

2- Ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Phạm Lê N, sinh ngày 25/10/1985 (cáo mặt).

2- Bị đơn: Anh Đoàn Thanh T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Lê N trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Phạm Lê N và anh Đoàn Thanh T kết hôn với nhau năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/11/2010. Vợ chồng chung sống lúc đầu rất là hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cự cải nhau, làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa, từ đó vợ chồng

đã ly thân với nhau gần 07 năm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Đoàn Thanh T.

Về con chung: Có 02 người con tên Đoàn Phạm Hải Đ, sinh ngày 05/8/2010 và Đoàn Phạm Phương D, sinh ngày 02/3/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 người con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đoàn Thanh T Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Lê N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau: Chị N yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Thanh T, yêu cầu nuôi con tên Đoàn Phạm Hải Đ, sinh ngày 05/8/2010 và Đoàn Phạm Phương D, sinh ngày 02/3/2012, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Lê N xử cho chị Phạm Lê N và anh Đoàn Thanh T được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Phạm Lê N xử giao cháu Đoàn Phạm Hải Đ, sinh ngày 05/8/2010 và Đoàn Phạm Phương D, sinh ngày 02/3/2012 (theo nguyện vọng của cháu Đ và cháu D) cho chị Phạm Lê N chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Lê N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Đoàn Thanh T được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Đoàn Thanh T.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Phạm Lê N và anh Đoàn Thanh T kết hôn với nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/11/2010 nên hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi nhau từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay, trong thời gian vợ chồng ly thân anh chị và gia định cũng không tự hoà giải với nhau được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Lê N xử cho chị Phạm Lê N và anh Đoàn Thanh T ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Phạm Lê N và anh Đoàn Thanh T có 02 người con tên Đoàn Phạm Hải Đ, sinh ngày 05/8/2010 và Đoàn Phạm Phương D, sinh ngày 02/3/2012. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi hai đứa con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị Phạm Lê N là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, cuộc sống của các cháu cũng ổn định, đồng thời cũng theo nguyện vọng của cháu Đ và cháu D và bản thân chị N cũng có điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Lê N, xử giao cháu Đoàn Phạm Hải Đ và Đoàn Phạm Phương D cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Lê N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Lê N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Lê N xử cho chị Phạm Lê N và anh Đoàn Thanh T ly hôn.

2.Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Phạm Lê N xử giao cháu Đoàn Phạm Hải Đ, sinh ngày 05/8/2010 và Đoàn Phạm Phương D, sinh ngày 02/3/2012 (theo nguyện vọng của cháu Đ và cháu D) cho chị Phạm Lê N chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị N và anh T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Lê N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Lê N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0003517 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị N có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/3//2025). Đối với anh T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm